

Bản án số: 181/2024/HS-PT

Ngày: 04-5-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Võ Ngọc Thông**

Các Thẩm phán:

ông Nguyễn Tấn Long

ông Phạm Ngọc Thái

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 157/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Kông H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 671/2024/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Kông H; giới tính: Nam; tên gọi khác: không; sinh ngày: 25/5/1994 tại Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; đăng ký HKTT: tổ B, thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nơi ở: thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; tiền án, tiền sự: Chưa; cha Nguyễn T (SN: 1958); mẹ Trang Thị S (SN: 1957); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út; có vợ Trần Thị Thùy T1 (SN: 1994) và 01 con SN 2021. Bị bắt vào ngày 08/7/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Nguyễn Kông H: ông Nguyễn Trung T2 – là Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Đỗ Thị Phương L, sinh năm 1985; Trú tại: K T, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1982; Trú tại: Tổ C K phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2021, do thua lỗ trong hoạt động kinh doanh bất động sản cần có tiền trả nợ, nên Nguyễn Kông H đã đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của người khác. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt Nguyễn Kông H 02 lần nhờ Dương Hồ Tiến T4 giả làm chủ đất để ký nhận tiền cọc và hợp đồng mua bán chiếm đoạt tiền của nhiều người khác. Cụ thể:

1. Chiếm đoạt tiền của Lưu Văn T5 (SN: 1989, trú: tổ B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng):

Tháng 5/2020, với ý định chiếm đoạt tài sản của Lưu Văn T5, Nguyễn Kông H rủ Lưu Văn T5 góp tiền mua đất rừng với giá 1.020.000.000đ, để Lưu Văn T5 tin tưởng Nguyễn Kông H nói Lưu Văn T5 góp 370.000.000đ và cho Lưu Văn T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Lưu Văn T5 đồng ý. Ngày 21/5/2020, Nguyễn Kông H dẫn Lưu Văn Tân đi xem lô đất rừng ở H (không rõ của ai).

Ngày 26/5/2020, Nguyễn Kông H nhờ Dương Hồ Tiến T4 giả làm chủ đất để nhận tiền cọc. Ngày 27.5.2021, tại nhà Dương Hồ Tiến T4, Nguyễn Kông H đặt cọc số tiền 200.000.000đ nhưng cho Lưu Văn T5 đứng tên trên giấy cọc, Lưu Văn T5 đồng ý và viết giấy nhận tiền đặt cọc với nội dung: Dương Hồ Tiến T4 có nhận của Lưu Văn T5 số tiền 200.000.000đ để bán 105.000 m² đất rừng. Dương Hồ Tiến T4 có trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục chuyển nhượng cho Lưu Văn T5 chậm nhất vào ngày 11.6.2020, Lưu Văn T5 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại: 820.000.000đ chậm nhất đến ngày 11.6.2020. Trong trường hợp ông Dương Hồ Tiến T4 không làm thủ tục giao đất như đã nói trên phải bồi thường ...”. Dương Hồ Tiến T4 ký bên bán, Lưu Văn T5 ký bên mua.

Ngày 30/5/2020, Nguyễn Kông H đưa cho Dương Hồ Tiến T4 01 giấy biên nhận tiền đặt cọc ghi ngày 30/5/2020 với nội dung: Dương Hồ Tiến T4 có nhận của Lưu Văn T5 số tiền cọc 450.000.000đ để bán 105.000 m² đất rừng. Dương Hồ Tiến T4 có trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục chuyển nhượng cho Lưu Văn T5 chậm nhất vào ngày 11.6.2020, Lưu Văn T5 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại: 570.000.000đ chậm nhất đến ngày 11.6.2020. Trong trường hợp ông Dương Hồ Tiến T4 không làm thủ tục giao đất như đã nói trên phải bồi thường ...”, Dương Hồ Tiến T4 ký bên bán, Nguyễn Kông H ký nhân chứng, bên mua Nguyễn Kông H ký nhưng ghi tên Lưu Văn T5 rồi Nguyễn Kông H chụp ảnh gửi qua facebook cho Lưu Văn T5.

Ngày 09.6.2020, Lưu Văn T5 và Nguyễn Kông H mang số tiền 570.000.000đ đến đưa cho Dương Hồ Tiến T4 tại nhà của Dương Hồ Tiến T4 (trong đó: Tân 370.000.000đ, H 200.000.000đ). Sau đó, Lưu Văn T5 viết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (lô đất không có thật) với nội dung:

+ Bên chuyển nhượng: Dương Hồ Tiến T4.

+ Bên nhận chuyển nhượng: Lưu Văn T5.

+ Thửa đất chuyển nhượng: diện tích đất chuyển nhượng: 105.000m².
Loại đất: đất rừng. Hai bên nhất trí thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các cam kết sau đây:

+ Giá chuyển nhượng: 1.020.000.000đ.

+ Thời điểm thanh toán: không ghi.

+ Phương thức thanh toán: không ghi.

+ Bên chuyển nhượng phải chuyển giao đủ diện tích, đúng hiện trạng và các giấy tờ liên quan đến thửa đất chuyển nhượng cho bên nhận chuyển nhượng khi hợp đồng này có hiệu lực.

+ Mọi tranh chấp về đất đai, mọi giấy tờ pháp lý sau này là bên bán phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bên bán có trách nhiệm bồi thường cho bên mua số tiền tương ứng. Lệ phí về giấy tờ đất đai sau này bên bán phải chịu. Khi bên mua nhận rừng phải sạch và được đốt rồi. Dương Hồ Tiến T4 ký bên bán, Nguyễn Kông H ký người làm chứng, Lưu Văn T5 ký bên mua.

Sau đó, Nguyễn Kông H, Lưu Văn T5 ra về. Một lúc sau Nguyễn Kông H nhờ Nguyễn Thị Thanh T6 (SN: 1990 – là chị ruột H) đến gặp Dương Hồ Tiến T4 để lấy lại tiền. Dương Hồ Tiến T4 đưa lại toàn bộ số tiền cho Nguyễn Thị Thanh T6, Nguyễn Thị Thanh T6 mang về đưa cho Nguyễn Kông H, Nguyễn Kông H lấy tiền sử dụng vào mục đích trồng rừng. Vài ngày sau, Nguyễn Kông H cho Dương Hồ Tiến T4 số tiền 3.000.000đ.

Tổng số tiền Nguyễn Kông H và Dương Hồ Tiến T4 đã chiếm đoạt của Lưu Văn T5 là 370.000.000đ.

2. Chiếm đoạt tiền của Nguyễn Tấn D (SN: 1994) và Lê Trung P (SN: 1993) cùng trú: thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng).

Vụ thứ 1: Vào ngày 04/5/2021, tại quán C3 với ý định chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Kông H rủ Nguyễn Tấn D góp tiền mua lô đất của ông C ở xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, đất đã có sẵn 04 lô, mua lại tách thành 05 lô bán kiếm lời (lô đất không có thật), Nguyễn Kông H nói đến ngày 28/7/2021 sẽ ra sổ và bán sẽ đưa lại tiền góp vốn, chia tiền lời và bảo Nguyễn Tấn D góp số tiền 110.000.000đ, Nguyễn Tấn D đồng ý. Hôm sau, Nguyễn Tấn D đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 110.000.000đ, Nguyễn Kông H viết cho Nguyễn Tấn D 01 tờ giấy mượn tiền với nội dung: H có mượn của D số tiền 110.000.000đ và hẹn đến ngày 28/7/2021 sẽ hoàn trả đủ số tiền đã mượn. Nhưng gần đến ngày ra sổ, Nguyễn Kông H nói với Nguyễn Tấn D thiếu số tiền 180.000.000đ để đóng thuế

bảo Nguyễn Tấn D cố gắng mượn để lấy sổ ra nếu không mất trắng, do không có tiền nên Nguyễn Tấn D nói để liên lạc với Lê Trung P nhờ Lê Trung P giúp. Ngày 25/5/2021, tại quán C3 gồm có: Nguyễn Kông H, Lê Trung P, Nguyễn Tấn D và Nguyễn Văn V (SN: 2000; trú: thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng), Nguyễn Kông H nói với Lê Trung P đất gần ra sổ nhưng thiếu số tiền 180.000.000đ để đóng thuế nhờ Lê Trung P giúp. Lê Trung P nói không có tiền nhưng để Lê Trung P đi mượn giúp, Lê Trung P đi một lúc thì quay lại đưa cho H số tiền 180.000.000đ, Lê Trung P nói với Nguyễn Kông H khi bán đất xong có lời thì gửi thêm cho Lê Trung P số tiền 20.000.000đ, Nguyễn Kông H đồng ý. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó.

Tổng số tiền Nguyễn Kông H chiếm đoạt là: 290.000.000đ. (Trong đó: D: 110.000.000đ, P: 180.000.000đ).

Vụ thứ 2: Khoảng cuối tháng 4/2021, tại quán cà phê Dư A, Nguyễn Kông H nói dối bà Nguyễn Thị T7 ở xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng bán lô đất với giá 1.200.000.000đ và có chỗ bán ra với giá 1.900.000.000đ rủ Nguyễn Tấn D góp tiền mua, Nguyễn Kông H bảo Nguyễn Tấn D góp bao nhiêu thì góp còn lại Nguyễn Kông H lo (trước đó H có gửi hình ảnh giấy chứng nhận QSDĐ số 025706 có diện tích sử dụng 5544m2 của bà Nguyễn Thị T7 tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng qua zalo cho D), Nguyễn Tấn D đồng ý. Nguyễn Tấn D mượn được số tiền 100.000.000đ chuyển cho Nguyễn Kông H nhưng Nguyễn Kông H bảo không có thể rút tiền nên bảo chuyển nhiều lần vào tài khoản của Trần Thị Thùy T8 - em vợ H, Nguyễn Kông H nói sau khi bán được sẽ chia lợi nhuận cho Nguyễn Tấn D số tiền 100.000.000đ nên Nguyễn Kông H viết cho Nguyễn Tấn D 01 tờ giấy mượn tiền với nội dung: H có mượn của D số tiền 200.000.000đ và hẹn đến ngày 28/7/2021 sẽ hoàn trả đủ số tiền. Đến ngày 07/5/2021, tại quán C3 gồm có: Nguyễn Kông H, Lê Trung P, Nguyễn Tấn D và Nguyễn Văn V, Nguyễn Kông H tiếp tục nói lại việc mua đất của bà T7 và đưa hình ảnh lô đất của bà Nguyễn Thị T7 ở xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cho Lê Trung P xem, hỏi Lê Trung P có tham gia hay không, Lê Trung P đồng ý. Sau đó, tại quán C3 gồm có: Nguyễn Kông H, Lê Trung P, Nguyễn Tấn D và Nguyễn Văn V, Lê Trung P đưa cho H số tiền 110.000.000đ, Nguyễn Kông H viết cho Lê Trung P 01 tờ giấy mượn tiền với nội dung: H có mượn P số tiền 110.000.000đ. Vài ngày sau, Nguyễn Kông H tiếp tục nói với Nguyễn Tấn D thiếu số tiền 60.000.000đ, Nguyễn Kông H bảo Nguyễn Tấn D đi mượn để góp thêm, Nguyễn Tấn D đồng ý. Sau đó, tại quán C3 gồm có: Nguyễn Kông H, Lê Trung P, Nguyễn Tấn D và Nguyễn Văn V, Nguyễn Tấn D đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 60.000.000đ. Sau khi nhận tiền Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó.

Tổng số tiền Nguyễn Kông H đã chiếm đoạt của Nguyễn Tấn D, Lê Trung P là: 270.000.000đ (Trong đó: D: 160.000.000đ, P 110.000.000đ).

Vụ thứ 3: Ngày 09/6/2021, Nguyễn Kông H nói dối với Lê Trung P là có một người ở Huế tìm đất trồng lan công nghiệp. Nguyễn Kông H đã tìm được

đất bán với giá 1.150.000.000đ, Nguyễn Kông H sẽ bán ra với giá 2.400.000.000đ lấy tiền chênh lệch trả cho chủ đất. Nguyễn Kông H nói đã gom được số tiền 300.000.000đ đặt cọc rồi nhưng chủ đất yêu cầu phải cọc số tiền 580.000.000đ, Nguyễn Kông H không đủ tiền sợ mất cọc nên rủ Lê Trung P góp số tiền 250.000.000đ, Lê Trung P đồng ý nhưng sau đó Lê Trung P chỉ mượn được số tiền 110.000.000đ, Lê Trung P nói với Nguyễn Kông H, Nguyễn Kông H nói để Nguyễn Kông H lo. Sau đó, Nguyễn Kông H sử dụng mạng xã hội facebook liên lạc với Dương Hồ Tiến T4 xin số điện thoại và nhờ Dương Hồ Tiến T4 giả làm chủ đất để ký giấy nhận cọc giúp Nguyễn Kông H. Nguyễn Kông H gửi hình ảnh giấy tờ thửa đất số 14, tờ bản đồ hiện trạng số: 25, diện tích: 3.618,4 m² và Giấy chứng nhận ông Nguyễn S1 và bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng 18.000m², số tờ bản đồ: 02, số thửa: 181, diện tích 18.000 m² – H có được từ những người môi giới đất cho Dương Hồ Tiến T4, Dương Hồ Tiến T4 đồng ý. Hôm sau, Nguyễn Kông H và Lê Trung P đến địa chỉ A Đ, thành phố Đà Nẵng (nơi làm việc của T4), đưa cho Dương Hồ Tiến T4 số tiền 110.000.000đ, H đưa ra giấy nhận cọc đã viết sẵn (ghi ngày 11/6/2021) với nội dung: Dương Hồ Tiến T4 có nhận đặt cọc của Nguyễn Kông H với số tiền 580.000.000đ để bán thửa đất số: 09590, tờ bản đồ số 92, số sổ 14, diện tích: 3.718.210m², địa chỉ: A - H - H - Đà Nẵng. Giá bán: 1.150.000.000đ. Phương thức thanh toán: hẹn đến ngày 10/6/2021, bên mua phải giao toàn bộ số tiền còn lại cho bên bán là: 570.000.000đ và hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng tại phòng công chứng...

Bên bán cam kết có toàn quyền chuyển nhượng bất động sản trên, tài sản trên không thuộc đối tượng tranh chấp nào, nếu có tranh chấp bên bán hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật... Dương Hồ Tiến T4 ký bên bán, Nguyễn Kông H ký bên mua và Lê Trung P ký làm chứng rồi Nguyễn Kông H và Lê Trung P đi về, Nguyễn Kông H đưa giấy nhận đặt cọc này cho Lê Trung P giữ. Sau đó, Nguyễn Kông H quay lại gặp Dương Hồ Tiến T4 lấy số tiền cọc trước đó. Khi về nhà phát hiện ngày ký công chứng không đúng Lê Trung P điện thoại hỏi Nguyễn Kông H thì Nguyễn Kông H nói không có vấn đề gì, miễn ngày 20/6/2021 giao đủ tiền là được. Sau khi nhận tiền Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó và có cho Dương Hồ Tiến T4 số tiền 4.200.000đ.

Tổng số tiền mà Nguyễn Kông H và Dương Hồ Tiến T4 đã chiếm đoạt của Lê Trung P là 110.000.000đ.

Vụ thứ 4: Tháng 6/2021, tại quán C3 gồm có: Nguyễn Kông H, Lê Trung P, Nguyễn Tấn D và Nguyễn Văn V, Nguyễn Kông H nói dối đã cọc mua hồ sơ đất ông Nguyễn G ở khu FPT xin thêm lô phụ, nếu 20 ngày không có tiền sẽ mất hồ sơ và mất cọc trước đó nên hỏi mượn Nguyễn Tấn D số tiền 160.000.000đ. Nguyễn Tấn D đồng ý và cho Nguyễn Kông H mượn số tiền 160.000.000đ, Nguyễn Kông H nói 01 tháng sau sẽ trả lại.

Đến ngày 22/6/2021, Nguyễn Kông H gửi cho Lê Trung P hình ảnh đơn kiến nghị của ông Nguyễn G về việc giải tỏa đền bù không thỏa đáng xin cấp lại

đất – Hình ảnh do những người môi giới đất cho H, Nguyễn Kông H nói thiếu số tiền 50.000.000đ để chạy giấy tờ xin cấp lại đất nhờ Lê Trung P giúp, Lê Trung P hỏi khi nào xong thì Nguyễn Kông H trả lời chưa biết. P mượn và đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 50.000.000đ, Lê Trung P nói khi nào ra sổ bán được đưa cho Lê Trung P thêm số tiền 5.000.000đ, Nguyễn Kông H đồng ý. Sau khi nhận tiền Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó.

Tổng số tiền mà Nguyễn Kông H chiếm đoạt là 210.000.000đ. (Trong đó: D: 160.000.000đ, P: 50.000.000đ).

3. Chiếm đoạt tiền của Phạm Văn T3 (SN: 1982, trú: tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng).

Tháng 6/2021, Phạm Văn T3 có nhu cầu tách sổ nhà đất đang ở thành hai thửa nên có nói cho Trần Văn T9 (SN: 1994, trú: Tổ 9, Miếu B, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng) biết, Trần Văn T9 gặp một phụ nữ tên L1 (quen biết trước đây qua môi giới bất động sản, không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi nhờ làm giúp cho Phạm Văn T3, sau đó L1 giới thiệu tiếp Nguyễn Kông H đến gặp Phạm Văn T3 để làm hồ sơ tách thửa. Ngày 25/6/2021, Nguyễn Kông H thuê Đoàn Duy B (SN: 1976; trú: 1 Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) – lái xe G1 chở Nguyễn Kông H cùng L1, Trần Văn T9 đến nhà Phạm Văn T3. Mặc dù Nguyễn Kông H không có khả năng làm hồ sơ tách thửa nhưng vẫn nói dối là có khả năng làm hồ sơ tách thửa cho Phạm Văn T3, chi phí tiền tách thửa là 180.000.000đ. Nguyễn Kông H yêu cầu được ứng trước số tiền 100.000.000đ và hẹn đến ngày 30/10/2021 thì hoàn thành việc tách thửa cho Phạm Văn T3, Phạm Văn T3 đồng ý, Nguyễn Kông H có viết 01 tờ giấy nhận tiền với nội dung: H có nhận của T3 số tiền 100.000.000đ, 01 sổ hồng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 27, 01 giấy đăng ký kết hôn, 04 chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu, trong thời gian từ ngày 25/6/2021 đến 30/10/2021 H không hoàn tất việc tách được thủ tục tách thửa thì phải hoàn trả 100.000.000đ và các giấy tờ. Sau đó, Phạm Văn T3 đã chuyển tiền cho Nguyễn Kông H qua tài khoản ngân hàng M1 số tài khoản 9704229208641679651 mang tên Nguyễn Kông H. Sau khi nhận tiền Nguyễn Kông H đem trả nợ cho T10 (không rõ nhân thân, lai lịch). Ngày 17/01/2022, Nguyễn Kông H liên lạc với Phạm Văn T3 yêu cầu Phạm Văn T3 chuyển cho Nguyễn Kông H số tiền 10.000.000đ để nộp thuế đất tách thửa cho Phạm Văn T3. Phạm Văn T3 chuyển khoản cho Nguyễn Kông H số tiền 7.000.000đ. Sau khi nhận tiền Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó.

Tổng số tiền mà Nguyễn Kông H chiếm đoạt của Phạm Văn T3 là 107.000.000đ.

4. Chiếm đoạt tiền của Đỗ Thị Phương L (SN: 03/11/1985; trú: K T, quận H, thành phố Đà Nẵng).

Khi biết tin Huỳnh Ngọc P1 Q là chồng của Đỗ Thị Phương L cùng với một số đối tượng khác bị Công an quận N bắt về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Nguyễn Kông H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Đỗ Thị Phương L nên đã liên hệ với Đỗ Thị Phương L nói dối là có thể chạy án cho

chồng của Đỗ Thị Phương L không bị xử lý hình sự và yêu cầu Đỗ Thị Phương L đưa tiền cho Nguyễn Kông H. Vì tin tưởng nên Đỗ Thị Phương L đã đưa tiền cho Nguyễn Kông H. Cụ thể:

Ngày 07.8.2021, Nguyễn Kông H yêu cầu Đỗ Thị Phương L đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 50.000.000đ và chuyển vào tài khoản số 105871744981 - Ngân hàng C4 của Nguyễn Tấn D (SN: 1994, trú: Tổ 4 Túy Loan Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng), Đỗ Thị Phương L đồng ý và sử dụng tài khoản số 0905222798 – Ngân hàng Q1 để chuyển tiền. Sau đó Nguyễn Kông H bảo Nguyễn Tấn D chuyển tiền qua tài khoản số: 9704229208642679651 – Ngân hàng Q1 (mở trên App V) của Nguyễn Kông H.

Ngày 09.8.2021, Nguyễn Kông H yêu cầu Đỗ Thị Phương L đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 250.000.000đ và chuyển vào tài khoản số 105871744981 - Ngân hàng C4 của Nguyễn Tấn D (SN: 1994, trú: Tổ 4 Túy Loan Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng), Đỗ Thị Phương L đồng ý và sử dụng tài khoản số 0905222798 – Ngân hàng Q1 để chuyển tiền. Sau đó, theo yêu cầu của Nguyễn Kông H, Nguyễn Tấn D đã chuyển tiền lại cho Nguyễn Kông H.

Cùng ngày 09.8.2021, Nguyễn Kông H yêu cầu Đỗ Thị Phương L đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 100.000.000đ và chuyển vào tài khoản số 9704229208642679651 – Ngân hàng Q1 (mở trên App V) của Nguyễn Kông H, Đỗ Thị Phương L đồng ý và sử dụng tài khoản số 0054100004583008 – Ngân hàng P4 để chuyển tiền cho Nguyễn Kông H.

Ngày 10.8.2021, H yêu cầu Đỗ Thị Phương L đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 100.000.000đ và chuyển vào tài khoản số 9704229208642679651 – Ngân hàng Q1 (mở trên App V) của Nguyễn Kông H, Đỗ Thị Phương L nói không đủ tiền chỉ có 83.000.000đ và Đỗ Thị Phương L sử dụng tài khoản số 0905222798 – Ngân hàng Q1 để chuyển cho Nguyễn Kông H số tiền 83.000.000đ.

Ngày 11.8.2021, Nguyễn Kông H yêu cầu Đỗ Thị Phương L đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 300.000.000đ và chuyển vào tài khoản số 9704229208642679651 – Ngân hàng Q1 (mở trên App V) của Nguyễn Kông H, Đỗ Thị Phương L không đồng ý. Nguyễn Kông H nói Đỗ Thị Phương L đưa trước số tiền 150.000.000đ, khi nào chồng về thì đưa tiếp cho Nguyễn Kông H, nếu thiếu Nguyễn Kông H cho mượn trước, Đỗ Thị Phương L đồng ý và chuyển cho Nguyễn Kông H số tiền 100.000.000đ (L sử dụng tài khoản số 0054100004583008 – Ngân hàng P để chuyển tiền cho H 80 triệu, còn 20.000.000 L chuyển tiền mặt tại cửa hàng V đường N).

Ngày 12.8.2021, Nguyễn Kông H tiếp tục yêu cầu Đỗ Thị Phương L đưa tiền cho Nguyễn Kông H để đủ số tiền 150.000.000đ và chuyển vào tài khoản số 9704229208642679651 – Ngân hàng Q1 (mở trên App V) của Nguyễn Kông H, Đỗ Thị Phương L nói không đủ tiền và chỉ có 38.000.000đ và Đỗ Thị Phương L sử dụng tài khoản số 0054100004583008 – Ngân hàng P4 để chuyển cho Nguyễn Kông H số tiền 38.000.000đ. Sau khi nhận số tiền trên Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó.

Tổng số tiền Nguyễn Kông H chiếm đoạt của Đỗ Thị Phương L là: 621.000.000đ.

5. Chiếm đoạt tiền của Nguyễn Thị Tố P2 (SN: 1988, trú: tổ D, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng):

Tháng 9/2021, với ý định chiếm đoạt tài sản nên Nguyễn Kông H nói dối với Nguyễn Thị Tố P2 là Nguyễn Kông H làm trong ban quản lý dự án huyện H, có quen biết nên có nhiều cơ hội đầu tư và rủ Nguyễn Thị Tố P2 góp tiền cùng Nguyễn Kông H mua đất dự án bán lại để kiếm lời, chỉ cần Nguyễn Thị Tố P2 góp số tiền 120.000.000đ, Nguyễn Kông H sẽ ghi giấy mượn với số tiền 150.000.000đ (30.000.000đ xem như tiền lời), Nguyễn Thị Tố P2 đồng ý. Nguyễn Kông H viết cho Nguyễn Thị Tố P2 01 tờ giấy mượn tiền với nội dung: ngày 25/9/2022, Nguyễn Kông H có mượn của Nguyễn Thị Tố P2 số tiền 150.000.000đ, hẹn đến ngày 01/3/2022 Nguyễn Kông H phải có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho Nguyễn Thị Tố P2. Sau đó, Nguyễn Thị Tố P2 đã nhiều lần chuyển tiền cho Nguyễn Kông H qua tài khoản ngân hàng M1 số tài khoản 9704229208641679651 mang tên Nguyễn Kông H. Cụ thể: Ngày 02/10/2021, P2 chuyển khoản cho H 50.000.000đ, ngày 07/10/2021 P2 chuyển khoản cho H 50.000.000đ, ngày 12/10/2021 P2 chuyển khoản cho H 50.000.000đ. Sau khi nhận tiền của Nguyễn Thị Tố P2, Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó.

Tổng số tiền Nguyễn Kông H chiếm đoạt của Nguyễn Thị Tố P2 là: 150.000.000đ.

6. Chiếm đoạt tiền của Nguyễn Văn C1 (SN: 1964, trú: 23 T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng):

Tháng 11/2021, Nguyễn Văn C1 có nhu cầu làm sổ đỏ cho lô đất của mình tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (hồ sơ 03 lá) nên đã nhờ Nguyễn Kông H làm giúp. Mặc dù biết không có khả năng làm sổ đỏ cho lô đất trên nhưng với ý định chiếm đoạt tiền của Nguyễn Văn C1, Nguyễn Kông H vẫn nhận hồ sơ làm sổ đỏ và yêu cầu Nguyễn Văn C1 đưa tiền cho H. Nguyễn Văn C1 đã nhiều lần đưa tiền cho Nguyễn Kông H. Cụ thể: lần 01 đưa số tiền: 70.000.000đ; lần 2 đưa số tiền: 20.000.000đ và 05 lần đưa số tiền: 10.000.000/lần và H có viết 01 tờ giấy nhận hồ sơ với nội dung: H có nhận của ông C1 01 đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở, tổng số tiền H nhận 160.000.000đ (thực tế H chỉ nhận 140.000.000đ) và hẹn đến ngày 01/3/2022 H phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục nếu không phải có trách nhiệm trả lại tiền. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó mà không làm sổ đỏ cho Nguyễn Văn C1.

Tổng số tiền Nguyễn Kông H chiếm đoạt Nguyễn Văn C1 là: 140.000.000đ.

7. Chiếm đoạt tiền của Huỳnh Hữu C2 (SN: 1993, trú: thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng):

Tháng 2/2022, với ý định chiếm đoạt tài sản Nguyễn Kông H sử dụng mạng xã hội facebook rủ với Huỳnh Hữu C2 góp tiền mua đất loại đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cuối đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng sau đó làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển nhượng lại cho người khác để kiếm lời. Nguyễn Kông H đưa Huỳnh Hữu C2 đi xem lô đất (không rõ của ai), Nguyễn Kông H khoe có mối quan hệ với lãnh đạo thành phố, lãnh đạo quận và để tạo niềm tin cho Huỳnh Hữu C2, Nguyễn Kông H viết cho Huỳnh Hữu C2 giấy mượn tiền với nội dung: vào ngày 12/02/2022, H có mượn của C2 số tiền: 250.000.000đ, hạn đến ngày 30/8/2022 H phải trả lại C2 số tiền 250.000.000đ nếu không H phải chịu trách nhiệm, đồng thời Nguyễn Kông H dựng lên một người tên K (không xác định) hối thúc H mua nhanh để làm giấy tờ, sau đó yêu cầu Huỳnh Hữu C2 chuyển tiền góp vốn. Huỳnh Hữu C2 đã nhiều lần chuyển tiền cho Nguyễn Kông H vào tài khoản ngân hàng M1 với số tài khoản 0914466169 của Nguyễn Kông H. Cụ thể: ngày 12/02/2022 chuyển số tiền 100.000.000đ, ngày 17/02/2022 chuyển số tiền 100.000.000đ, ngày 23/02/2022 chuyển số tiền 50.000.000đ, ngày 26/02/2022 chuyển số tiền 5.000.000đ, ngày 11/03/2022 chuyển số tiền 5.000.000đ, ngày 12/03/2022 chuyển số tiền 2.000.000đ. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Kông H đã đem đi trả các khoản nợ đã vay mượn trước đó.

Tổng số tiền Nguyễn Kông H đã chiếm đoạt của Huỳnh Hữu C2 là: 262.000.000đ.

8. Chiếm đoạt tiền của Nguyễn Ngọc P3 (SN: 1977; trú: A N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng).

Tháng 11/2021, Nguyễn Ngọc P3 có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất của mình nên nhờ Nguyễn Kông H làm giúp, mặc dù không có khả năng làm giấy tờ đất cho Nguyễn Ngọc P3 nhưng với ý định chiếm đoạt tài sản Nguyễn Ngọc P3 nên Nguyễn Kông H đồng ý và yêu cầu Nguyễn Ngọc P3 đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 35.000.000đ. Ngày 22/01/2021, tại nhà nghỉ Q2 (địa chỉ: số D Đoàn T, thành phố Đà Nẵng) vợ chồng Nguyễn Ngọc P3 đã đưa cho Nguyễn Kông H số tiền 35.000.000đ, sau khi nhận tiền Nguyễn Kông H không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Ngọc P3 mà mang đi trả nợ các khoản vay mượn trước đó.

Ngoài ra, Nguyễn Kông H còn nói dối bản thân đang đầu tư dự án 11 tỷ, cần có tiền để lo hồ sơ nên đã nhiều lần hỏi mượn tiền của Nguyễn Ngọc P3, do tin tưởng nên Nguyễn Ngọc P3 đồng ý cho mượn. Cụ thể: ngày 9/11/2021 đưa tiền mặt số tiền 60.000.000đ (có viết giấy mượn tiền), ngày 30/11/2021 đưa tiền mặt số tiền 25.000.000đ, chuyển qua tài khoản V1 pay số tiền 20.000.000đ, ngày 09/12/2021 đưa tiền mặt số tiền 90.000.000đ, ngày 14.01/2022 chuyển qua tài khoản V1 số tiền 1.300.000đ; chuyển qua tài khoản MB 97142292086416 số tiền: 2.900.000đ. Sau khi nhận tiền Nguyễn Kông H đã mang đi trả nợ các khoản vay mượn trước đó.

Tổng số tiền Nguyễn Kông H chiếm đoạt của Nguyễn Ngọc P3 là 234.200.000đ.

*** Tang vật tạm giữ:**

- 01 Giấy đăng ký kết hôn mẫu BTP/HT-2026 số 37, quyền số 01/2009 giữa Phạm Văn T3 và Nguyễn Phương T11 do UBND thành phố Đ, Quảng Trị cấp.

- 01 Giấy phép xây dựng số: 3639/UBND-GPXD ngày 31/8/2017 do UBND quận C cấp để xây nhà tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 27 thuộc tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH774852 của thửa đất số 128, tờ bản đồ số 27 thuộc tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Phạm Văn T3 và Nguyễn Phương T11.

- 01 Biên bản xác nhận thanh toán tiền đất ngày 16/10/2014.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imel: 353103100234843. Đây là điện thoại Nguyễn Kông H sử dụng để nhắn tin trao đổi với chị Đỗ Thị Phương L.

- Phiếu yêu cầu dịch vụ của Đỗ Thị Phương L số tiền giao dịch: 20.000.000đ, người nhận Nguyễn Kông H. Ngân hàng: VTT – BankPlus, số TK: 9704229208641679651.

- 01 Giấy nhận hồ sơ ghi ngày 28/2/2022 có chữ ký của Nguyễn Kông H và Nguyễn Văn C1.

- 01 Giấy mượn tiền 60.000.000đ triệu đồng ngày 09/11/202 có chữ ký của Nguyễn Kông H và Nguyễn Ngọc P3.

- 01 Giấy nhận tiền ghi ngày 25/6/2021 có chữ ký của Nguyễn Kông H, Phạm Văn T3, người làm chứng Đoàn Duy B.

- 01 Giấy mượn tiền ghi ngày 25/9/2021 có chữ ký của Nguyễn Kông H và Nguyễn Thị Tố P2.

- 01 Giấy mượn tiền ghi ngày 12.02.2022 với nội dung: Nguyễn Kông H mượn của Huỳnh Hữu C2 số tiền 250.000.000đ hạn đến ngày 30.8.2022 H sẽ trả lại tiền cho C2.

- 01 Giấy xác nhận nợ giữa Nguyễn Tấn D với Nguyễn Kông H số tiền 200.000.000đ ngày 14/5/2021.

- 01 Giấy xác nhận nợ giữa Nguyễn Tấn D với Nguyễn Kông H số tiền 110.000.000đ ngày 5/4/2021.

- 01 Biên bản xác nhận công nợ giữa Nguyễn Tấn D với Nguyễn Trị số tiền 350.000.000đ ngày 16/3/2022.

- 01 hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyễn Thị T7.

- 01 Quyết định số: 301/QĐ-UB ngày 20.11.2016 của UBND huyện H giao 10ha đất hg/đn tại thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cho hai hộ: Nguyễn Kông H và Ngô Thị X (ranh giới, vị trí đất giao kèm theo bản vẽ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng và đất trồng rừng số: 19/98)- bản photo.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số: 19/98 (bản photo).

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09.6.2020 giữa Dương Hồ Tiến T4 và Lưu Văn T5 (không công chứng).

- 01 hình ảnh giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 27.5.2020 giữa Dương Hồ Tiến T4 và Lưu Văn T5.

- 01 hình ảnh giấy đưa tiền ghi ngày 30.5.2020 giữa Dương Hồ Tiến T4 và Lưu Văn T5.

- 01 hình ảnh giấy mượn tiền ghi ngày 19.5.2021 với nội dung: Nguyễn Kông H có mượn của Lê Trung P số tiền 110.000.000đ.

- 01 hình ảnh giấy mượn tiền không ghi ngày tháng với nội dung: Nguyễn Kông H có mượn của ông Lê Trung P số tiền 625.000.000đ.

- 01 hình ảnh đơn kiến nghị ghi ngày 08/7/2021 người làm đơn Nguyễn G;

- 01 biên bản xác nhận nợ ghi ngày 16/3/2022 với nội dung: Nguyễn Kông H có vay số tiền 760.000.000đ được xác lập giữa Lê Trung P và Nguyễn Trị .

- 01 biên bản xác nhận công nợ ghi ngày 16.3.2022 giữa Lê Trung P với Nguyễn Trị .

- Số tiền 2.200.000đ.

- Các bản ảnh zalo chụp nội dung trao đổi giữa: Nguyễn Kông H và Dương Hồ Tiến T4; giữa Nguyễn Kông H với Đỗ Thị Phương L; giữa Nguyễn Kông H với Nguyễn Ngọc P3; Nguyễn Kông H với Nguyễn Thị Tố P2; giữa Nguyễn Kông H với Huỳnh Hữu C2; giữa Nguyễn Kông H với Nguyễn Tấn D; giữa Nguyễn Kông H với Lưu Văn T5.

Tại Kết luận giám định số: 396/KL-KTHS ngày 17/5/2023 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận:

1.1 Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Dương Hồ Tiến T4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký Dương Hồ Tiến T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

1. 2 Chữ ký, chữ viết mang tên Dương Hồ Tiến T4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 (trừ chữ ký đã kết luận tại mục 1.1 phần V. KẾT LUẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH) so với chữ ký, chữ viết của Dương Hồ Tiến T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

2.1 Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Kông H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký Nguyễn Kông H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 đến M7 có phải do cùng một người ký ra hay không.

2.2 Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Kông H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 (trừ chữ ký đã kết luận tại mục 1.1 phần V. KẾT LUẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Kông H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 đến M7 cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra ban đầu Nguyễn Kông H khai báo quanh co nhưng sau đó Nguyễn Kông H và Dương Hồ Tiến T4 đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kông H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về điểm, khoản, Điều luật Bộ luật hình sự áp dụng và mức hình phạt đối với từng bị cáo:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Kông H **10 (M)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, 08/07/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/01/2024 bị cáo Nguyễn Kông H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Kông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ; tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực khắc phục hậu quả; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình tiếp tục khắc phục hậu quả cho 02 người bị hại với số tiền là 75.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Kông H: thống nhất như ý kiến của luật sư.

Ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: bị cáo kháng cáo còn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: tội danh của bị cáo đã rõ; về hình phạt trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 10 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, gia đình bị cáo xuất trình 02 giấy trả tiền cho người bị hại với số tiền là 75.000.000 đồng. Đây là tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm; đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Kông H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến tháng 02 năm 2022, do thua lỗ trong hoạt động kinh doanh, nợ nần ngoài xã hội nhiều, cần có tiền trả nợ và tiêu xài; Nguyễn Kông H đã nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối như: kêu gọi góp vốn để kinh doanh bất động sản, góp vốn mua bán đất dự án; chạy giấy tờ để xin bố trí lại đất tái định cư, xin tách thửa đất, làm thủ tục cấp sổ đỏ cho đất có hồ sơ 02 lá, 03 lá; có khả năng chạy án cho đối tượng vi phạm pháp luật hình sự; vay mượn tiền để đầu tư dự án; đã nhận tiền của nhiều người rồi chiếm đoạt để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền H chiếm đoạt của các bị hại là 2.764.200.000 đồng; cụ thể: Chiếm đoạt của ông Lưu Văn T5 số tiền 370.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Lê Trung P số tiền 450.000.000đ; chiếm đoạt của ông Nguyễn Tấn D số tiền 430.000.000đ; chiếm đoạt của ông Phạm Văn T3 số tiền 107.000.000đ; chiếm đoạt của chị Đỗ Thị Phương L số tiền 621.000.000đ; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Tố P2 số tiền 150.000.000đ; chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn C1 số tiền 140.000.000đ; chiếm đoạt của ông Huỳnh Hữu C2 số tiền 262.000.000đ; chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Ngọc P3 số tiền 234.200.000đ. Hành vi trên của bị cáo H là phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo tình tiết định khung “*chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: hành vi phạm tội của bị cáo H là đặc biệt nghiêm trọng, không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, cũng như ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của các bị hại. Bị cáo H là người khởi xướng, lôi kéo bị cáo T4 vào việc phạm tội; trực tiếp đưa ra thông tin gian dối với các bị hại; thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, chiếm đoạt và thụ hưởng số tiền trên 2,5 tỷ đồng đến nay mới khắc phục được 1 phần thiệt hại cho các bị hại, vì vậy cần xử phạt nghiêm.

[4] Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với bị cáo đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; đã từng tham gia nghĩa vụ Công an và được tặng Giấy khen hoàn thành xuất sắc; gia đình bị cáo có thân nhân tham gia cách mạng được Nhà nước ghi nhận

là Liệt sỹ; quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi bị khởi tố và sau khi bị khởi tố đã bồi thường, tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại (bồi thường hơn 1 tỷ đồng cho 6 bị hại); bị cáo là lao động chính, có 01 con sinh năm 2021. Với những tình tiết như nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 10 năm tù là phù hợp, không nặng. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, gia đình bị cáo đã xuất trình 02 giấy trả tiền cho 02 bị hại với số tiền là 75.000.000 đồng. Đây là tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo; vì vậy, cũng cần xem xét giảm thêm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt sớm trở về với cộng đồng xã hội, làm một người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Kông H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Kông H **09 (chín) năm 06 (sáu)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/07/2022.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Kông H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-CA thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông